

DỰ THẢO

**NGHỊ QUYẾT**  
**Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY  
CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2015;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 số \_\_\_/BB-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 28/6/2019 của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch năm 2019, Báo cáo của Ban Kiểm soát như các tài liệu kèm theo.

**Điều 2:** Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 với các chỉ tiêu như sau:

+ Doanh thu hợp nhất	:	13.000 tỷ VNĐ
+ Tổng lợi nhuận hợp nhất trước thuế	:	700 tỷ VNĐ
+ Tổng lợi nhuận hợp nhất sau thuế	:	560 tỷ VNĐ
+ Tỷ lệ chia cổ tức	:	7%/vốn điều lệ
+ Kế hoạch đầu tư	:	1.221 tỷ VNĐ

**Điều 3.** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

**Điều 4.** Thông qua Tờ trình số /TTr-DVKT-HĐQT ngày 28/06/2019 về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và Kế hoạch tài chính năm 2019, cụ thể như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2018		Thực hiện 2018	
			Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền
1	Lợi nhuận được phân phối	Tr.VNĐ		420.000		616.162
2	Chia cổ tức bằng tiền	Tr.VNĐ	7,00%	355.574	7,00%	334.576
3	Quỹ khen thưởng - phúc lợi, Quỹ thưởng ban điều hành bằng 12% lợi nhuận được phân phối	Tr.VNĐ	12,00%	50.400	12,00%	73.939
	Trong đó:					
	- Quỹ khen thưởng - phúc lợi	Tr.VNĐ			11,68%	71.968
	- Quỹ thưởng ban điều hành	Tr.VNĐ			0,32%	1.971
4	Quỹ đầu tư phát triển - Trích bổ sung toàn bộ lợi nhuận được phân phối còn lại	Tr.VNĐ	3,34%	14.026	37,03%	207.647

2. Kế hoạch tài chính năm 2019:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019		So sánh với TH năm 2018
		Tỷ lệ	Giá trị (Tr.VNĐ)	
1	Vốn điều lệ			
	+ Vốn điều lệ đầu năm		4.779.663	107,00%
	+ Vốn điều lệ cuối năm		4.779.663	100,00%
	+ Vốn điều lệ bình quân năm		4.779.663	103,38%
2	Doanh thu:			
	+ Doanh thu hợp nhất		13.000.000	85,34%
	+ Doanh thu Công ty mẹ		4.200.000	60,62%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN:			
	+ Lợi nhuận trước thuế hợp nhất		700.000	71,70%
	+ Lợi nhuận trước thuế Công ty mẹ		450.000	77,44%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN:			
	+ Lợi nhuận sau thuế hợp nhất		560.000	97,71%
	+ Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ		420.000	74,90%
5	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ			
	+ Tỷ suất lợi nhuận hợp nhất sau thuế /Vốn điều lệ bình quân	11,72%		94,52%
	+ Tỷ suất lợi nhuận Công ty mẹ sau thuế /Vốn điều lệ bình quân	8,78%		72,38%
6	Lợi nhuận Công ty mẹ được phân phối:		420.000	68,16%

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019		So sánh với TH năm 2018
		Tỷ lệ	Giá trị (Tr.VNĐ)	
	+ Cổ tức bằng tiền	7,00%	334.576	100,00%
	+ Quỹ khen thưởng - phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành bằng 12% lợi nhuận được phân phối	12,00%	50.400	68,16%
	+ Quỹ đầu tư phát triển - Trích bổ sung toàn bộ phần Lợi nhuận được phân phối còn lại	8,34%	35.024	16,87%

**Điều 5.** Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT Tổng công ty lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Tổng công ty trong Danh sách các Công ty kiểm toán theo Tờ trình số \_\_\_/TTTr-DVKT-BKS ngày 28/6/2019 của Ban Kiểm soát, đảm bảo đúng Quy định hiện hành.

**Điều 6.** Thông qua mức thù lao và chi phí hoạt động Thành viên Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát năm 2019 như sau:

1. Quỹ tiền lương, tiền thưởng cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát chuyên trách thực hiện theo đúng quy định, hướng dẫn tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Quy chế tiền lương của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam.

2. Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách (kiêm nhiệm) năm 2019.

- Thành viên HĐQT kiêm nhiệm với mức là 10.000.000 VNĐ/người/tháng.
- Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm với mức là 7.000.000 VNĐ/người/tháng.

3. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2019: Chi phí công vụ (gồm, chi phí đi lại, ăn, nghỉ thuê khách sạn, công cụ, phương tiện làm việc, hoạt động đối ngoại...) và các chi phí hợp lý khác để thực hiện nhiệm vụ được giao thực hiện theo quy định nội bộ của Tổng công ty, phù hợp với Quy định hiện hành.

**Điều 7.** Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Phạm Văn Dũng.

**Điều 8.** Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc thủ tục với các bên liên quan, các nội dung tại Nghị quyết này có thể được ban hành riêng rẽ thành các Nghị quyết khác nhau và không trái với nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

***Nơi nhận:***

- Như Điều 8;
- Cổ đông TCT;
- UBCKNN, HNX, VSD;
- Các Ban, Đơn vị Tổng công ty;
- [www.ptsc.com.vn](http://www.ptsc.com.vn);
- Lưu: VT, BTK.

**Phan Thanh Tùng**

***Tài liệu kèm theo:***

- Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và Kế hoạch năm 2019;
- Báo cáo của Ban Kiểm soát;
- Tờ trình số \_\_\_\_/TTr-DVKT-HĐQT ngày 28/6/2019 về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2018 và Kế hoạch tài chính năm 2019;
- Tờ trình số \_\_\_\_/TTr-DVKT-BKS ngày 28/6/2019 về lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018;